

Số: 15 /2020/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 08 /TTr-VP ngày 21 tháng 5 năm 2020; ý kiến tham định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 13/BCTĐ-STP ngày 31 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 /7/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /p

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TTTU; TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT&TH HP; Báo HP;
- Công báo TP; Cổng TTĐT TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Các Phòng CV;
- Trung tâm TT-TH;
- CV: NVI;
- Lưu: VT. /p

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan
hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND
ngày 24 / 6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trên địa bàn thành phố.
2. Việc báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác được thực hiện theo yêu cầu, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.
3. Đối tượng áp dụng là các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị); các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Nguyên tắc báo cáo

1. Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố.
2. Nội dung chế độ báo cáo phải phù hợp với quy định tại các văn bản do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.
3. Chế độ báo cáo được ban hành phải thực sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.
4. Chế độ báo cáo phải phù hợp về thẩm quyền ban hành và đối tượng yêu cầu báo cáo, bảo đảm rõ ràng, thống nhất, đồng bộ, khả thi và không trùng lặp với chế độ báo cáo khác. Giảm tối đa yêu cầu về tần suất báo cáo nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực trong thực hiện chế độ báo cáo.
5. Các số liệu yêu cầu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.
6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử. Tăng cường

kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện chế độ báo cáo và công tác phối hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

Chương II

THẨM QUYỀN BAN HÀNH VÀ YÊU CẦU CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 3. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo

Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 4. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn định kỳ hàng tháng, hàng quý, báo cáo định kỳ 6 tháng và báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đối với báo cáo 9 tháng: Thời gian chốt số liệu báo cáo 9 tháng được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo

Thời hạn gửi báo cáo được quy định thực hiện thống nhất đối với chế độ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, trừ trường hợp có quy định khác theo nguyên tắc quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

1. Báo cáo tháng: Các cơ quan, đơn vị gửi sở, ngành được giao tổng hợp trước ngày 18 hàng tháng; các sở, ngành được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 22 hàng tháng.

2. Báo cáo quý: Các cơ quan, đơn vị gửi sở, ngành được giao tổng hợp trước ngày 18 của tháng cuối quý; các sở, ngành được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 22 của tháng cuối quý.

3. Báo cáo 6 tháng:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm: Các cơ quan, đơn vị gửi sở, ngành được giao tổng hợp trước ngày 18 tháng 6; các sở, ngành được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 22 tháng 6;

b) Báo cáo 6 tháng cuối năm: Các cơ quan, đơn vị gửi sở, ngành được giao tổng hợp trước ngày 18 tháng 12; các sở, ngành được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 22 tháng 12.

4. Báo cáo 9 tháng: Các cơ quan, đơn vị gửi sở, ngành được giao tổng hợp trước ngày 18 tháng 9; các sở, ngành được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 22 tháng 9.

5. Báo cáo năm: Các cơ quan, đơn vị gửi sở, ngành được giao tổng hợp trước ngày 18 tháng 12; các sở, ngành được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 22 tháng 12.

Điều 7. Chế độ xử lý thông tin, báo cáo

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ liên quan về kinh tế - xã hội của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp thành báo cáo chung.

2. Các chế độ báo cáo định kỳ khác: Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì phải thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo chung theo thời hạn quy định để trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Danh mục báo cáo, các biểu mẫu báo cáo

(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

Chương III

XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO THÀNH PHỐ

Điều 9. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo thành phố

Hệ thống thông tin báo cáo thành phố được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 10. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo thành phố phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

Điều 11. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo thành phố

Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố xây dựng, vận hành theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo, khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan có các quyền, trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định tại Chương IV Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo, kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các cá nhân, tổ chức có liên quan:

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Quyết định này.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát, trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung danh mục chế độ báo cáo định kỳ cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu tại Quy định này.

c) Phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục báo cáo định kỳ tại Quyết định này và cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử thành phố theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo

thành phố theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông; hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định công bố đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu kèm theo danh mục báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này; thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định.

g) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với Hệ thống thông tin báo cáo thành phố theo quy định.

b) Thiết lập các hệ thống giám sát, phòng, chống tấn công, chống thất thoát dữ liệu; phòng, chống vi rút để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC 1

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Công Thương

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|--|-------------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 13/01/2016 của UBND thành phố thực hiện Đề án "Đẩy mạnh phát triển các hoạt động xuất khẩu dịch vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020" | Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, nêu rõ tình hình thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất | Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Du lịch, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hải Phòng; Cục Thống kê; Cục Hải quan | UBND thành phố (qua Sở Công Thương) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Công Thương: trước ngày 18/12 - Sở Công Thương báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 2 | Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, kinh doanh than trên địa bàn thành phố | Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, kinh doanh than trên địa bàn | Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Công an thành phố; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố; | UBND thành phố (qua Sở | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày | - Thời hạn gửi Sở Công Thương: trước ngày 18/12 - Sở Công Thương báo cáo | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|---|-------------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | theo Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ | thành phố theo Công văn số 293/UBND-CT ngày 15/01/2020 của UBND thành phố triển khai thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1; Cục Hải quan; Cục Quản lý thị trường; UBND các quận, huyện | Công Thương) | hoặc hình thức khác theo quy định | 14/12 của kỳ báo cáo | UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 3 | Báo cáo công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, thực hiện tiết kiệm điện năm và kế hoạch công tác bảo vệ an toàn lưới | Đánh giá kết quả công tác bảo vệ an toàn hành lang công trình lưới điện cao áp, thực hiện tiết kiệm điện. Kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm, | Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Công Thương) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo; | - Thời hạn gửi Sở Công Thương: trước ngày 18/6 và ngày 18/12; - Sở Công Thương báo cáo UBND thành phố: trước ngày | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|--|-------------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | điện cao áp thành phố | năm tiếp theo của ban chỉ đạo bảo vệ an toàn lưới điện cao áp thành phố | | | | - Báo cáo năm tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 | 22/6 và ngày 22/12 hàng năm | |
| 4 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 12/01/2016 của BTV Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về hội nhập quốc tế (ban hành kèm theo | Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý theo ngành, lĩnh vực, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung có liên quan | Các Sở: Ngoại vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao | UBND thành phố (qua Sở Công Thương) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo; Báo cáo năm tính từ ngày 15/12 năm trước | - Thời hạn gửi Sở Công Thương: trước ngày 18/6 và ngày 18/12; - Sở Công Thương báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 và ngày 22/12 hàng năm | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|--|-------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------|
| | Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND thành phố) | | thông vận tải; Ban Quản lý Khu kinh tế; Công an Thành phố; Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố; Cục thuế Thành phố; Đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng; Trường Đại học Hải Phòng; UBND các quận, huyện | | | kỳ báo cáo đến ngày 14/12 | | |
| 5 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 18/5/2017 của UBND thành phố về thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 29/12/2016 của BTV Thành ủy thực hiện Nghị quyết số | Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 18/5/2017 của UBND thành phố. | Các Sở: Ngoại vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và | UBND thành phố (qua Sở Công Thương) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo; Báo cáo năm tính từ | - Thời hạn gửi Sở Công Thương: trước ngày 18/6 và ngày 18/12; - Sở Công Thương báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 và ngày 22/12 hàng năm | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--------------------------|---|----------------------|-------------------------------|--|----------------------|---------------------------------------|
| | 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | | Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải; Ban Quản lý Khu kinh tế; Công an Thành phố; Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố; Cục thuế Thành phố; Cục Hải quan; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hải Phòng; Đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng; Báo Hải Phòng; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng; UBND các quận, huyện | | | ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 | | |

PHỤ LỤC 2

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Giao thông vận tải

(kèm theo Quyết định số 15. /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|-----------------------------|---|--|--|---|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo kết quả đảm bảo trật tự lòng đường, vỉa hè và mỹ quan đô thị | Báo cáo các kết quả về đảm bảo trật tự lòng đường vỉa hè, mỹ quan đô thị theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 20/5/2019 của UBND thành phố | UBND các quận, huyện | UBND thành phố (quan Sở Giao thông vận tải) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Giao thông vận tải: trước ngày 18 hàng tháng; - Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng | 01 lần/tháng |
| 2 | Bổ sung danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng giao Sở Giao thông vận tải quản lý | Bổ sung danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng giao Sở GTVT quản lý theo Quyết định 457/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND thành phố | Sở Giao thông vận tải | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|-----------------------------|----------------------|--|--|--|---------------------------------------|
| 3 | Báo cáo về việc thực hiện Kế hoạch 185/KH-UBND ngày 10/07/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố | Thực hiện Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 20/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xây dựng thị trường vận tải cạnh tranh theo hướng phát triển vận tải đa phương thức, kết nối giữa các hình thức vận tải khác nhau, chú trọng áp dụng công nghệ thông tin để giảm thiểu chi phí vận tải tạo thuận lợi cho lưu thông, phân phối hàng hóa và dịch vụ của doanh nghiệp”. | Sở Giao thông vận tải | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 4 | Báo cáo chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng | Báo cáo UBND thành phố định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về các dự án, tình hình chất lượng và | Sở Giao thông vận tải | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến | Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND thành | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|------------|---------------------------|---|------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|--|
| | chuyên ngành trên địa bàn | công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn | | | thức khác theo quy định | ngày 14/12 của kỳ báo cáo | phổ: trước ngày 22/12 | |

PHỤ LỤC 3

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--|---|--|---|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo tình hình phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ | Báo cáo tình hình phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Quản lý thị trường; Cục Hải quan; Công an thành phố. | UBND thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | <p>Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo.</p> <p>(Thay thế thời hạn chốt số liệu báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND thành phố)</p> | <p>- Thời hạn gửi Sở Khoa học và Công nghệ: trước ngày 18/12</p> <p>- Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12</p> <p>(Thay thế thời hạn báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND thành phố)</p> | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|-------------------------------------|--|---|---|--|---------------------------------------|
| 2 | <p>Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 10/12/2019 về triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) và Kết luận số 75-KL/TU ngày 26/8/2019 của BCH Đảng bộ thành phố khóa XV về sơ kết 05 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của BCH Đảng bộ khóa (XIV) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH và HNQT thành phố đến năm 2020, tầm nhìn 2030</p> | <p>Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 10/12/2019 về triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) và Kết luận số 75-KL/TU ngày 26/8/2019 của BCH Đảng bộ thành phố khóa XV về sơ kết 05 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của BCH Đảng bộ khóa (XIV) về phát triển KH&CN phục</p> | <p>Các sở, ban, ngành thành phố</p> | <p>UBND thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ)</p> | <p>Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định</p> | <p>Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo của kỳ báo cáo</p> | <p>- Thời hạn gửi Sở Khoa học và Công nghệ: trước ngày 18/12 - Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12</p> | <p>01 lần/năm</p> |

PHỤ LỤC 4

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--|--|--|---|---|---------------------------------------|
| 1 | Tình hình thực hiện Bản cam kết giữa UBND thành phố với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp | Các nội dung cụ thể tại Bản cam kết để tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp | Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18 của tháng cuối quý. - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22 của tháng cuối quý. | Báo cáo quý; 04 lần/năm |
| 2 | Tình hình thực hiện Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 22/7/2019 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của thành phố hàng năm | Các nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch hàng năm để cải thiện 10 chỉ số thành phần PCI | Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18 của tháng cuối quý. - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22 của tháng cuối quý. | Báo cáo quý; 04 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------|
| 3 | Tình hình thực hiện Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 29/11/2018 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại thành phố | Các nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch hàng năm để phát triển kinh tế tư nhân | Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18/12; - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22/12 | 01 lần/năm |
| 4 | Tình hình thực hiện Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Kết luận số 13-KL/TU ngày 25/3/2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/5/2002 của Ban Thường vụ | Các nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch hàng năm để phát triển kinh tế tập thể | Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18/12; - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22/12 | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|-----------------------------|--|--|---|---|---------------------------------------|
| | Thành ủy Hải Phòng (khóa VII) và Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tại Hải Phòng trong giai đoạn 2018-2020 | | | | | | | |
| 5 | Tình hình thực hiện Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước | Báo cáo tình hình thực hiện Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. | Các doanh nghiệp nhà nước | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng: từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo - Báo cáo năm: từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư: trước ngày 18/6 + Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu | 06 tháng, năm; 02lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|---|--|--|--------------------------------|--|---------------------------------------|
| | | | | | | 12 của kỳ báo cáo) | tr: trước ngày 18/12. + Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 6 | Tình hình thực hiện Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 8/12/2017 của UBND thành phố | Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 8/12/2017 về thực hiện Nghị quyết 97/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 45-Ct/TU của Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới | <ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ngành, đơn vị liên quan; - Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | | <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18/12; - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22/12 | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|--|--|--|---|--|---------------------------------------|
| | | và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước | | | | | | |
| 7 | Kết quả thực hiện kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thành phố | Báo cáo về việc tổ chức, triển khai Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững trên địa bàn thành phố Hải Phòng | Các sở, ban, ngành, đơn vị | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18/12; - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22/12 | 01 lần/năm |
| 8 | Báo cáo thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng hàng năm | Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, hành động được giao tại các Quyết định số 1393/QĐ-TTg và số 403/QĐ-TTg của Thanh tra Chính phủ, Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia | Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18/12; - Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND thành phố trước 22/12 | 01 lần/năm |

PHỤ LỤC 5

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24 /6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|---------------------|-------------------------------------|--|--|---|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo kết quả công tác thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm | Kết quả công tác thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | | Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội thành phố | UBND thành phố (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: trước ngày 18 hàng tháng - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng | 01 lần/tháng |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng chống mại dâm | Kết quả thực hiện công tác phòng chống mại dâm | Thực hiện thực hiện | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo. Thời gian | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: trước ngày 18/6 | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------|--|---|---------------------------------------|
| | | | | | theo quy định | chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15/6 đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: trước ngày 18/12 + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 3 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 254/KH- | Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 10/10/2019 của UBND | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|-------------------------------------|----------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | UBND ngày 10/10/2019 của UBND thành phố | thành phố về thực hiện Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn thành phố | | | điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 4 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường thực hiện công tác quản lý người sử dụng ma túy trái phép, người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố | Kết quả thực hiện công tác quản lý người sử dụng ma túy trái phép, người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|-------------------------------------|----------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | ma túy trên địa bàn thành phố | | | | | | | |
| 5 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác cai nghiện ma túy, điều trị thay thế bằng Methadone | Báo cáo kết quả triển khai đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và Nghị định số 136/2016/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng theo Nghị định số 94/2010/NĐ-CP của Chính phủ; vận động người đi cai nghiện tự nguyện tập trung theo cơ chế hỗ trợ của thành phố | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 6 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án phối hợp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|-------------------------------------|----------------------|--|---|---|---------------------------------------|
| | 20/4/2018 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Đề án phối hợp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm đến năm 2020 trên địa bàn thành phố Hải Phòng | tệ nạn ma túy, mại dâm đến năm 2020 trên địa bàn thành phố Hải Phòng | | | hoặc hình thức khác theo quy định | 14/12 của kỳ báo cáo | phổ: trước ngày 22/12 | |
| 7 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về | Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác | - Báo cáo 6 tháng: Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo. | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: trước ngày 18/6 | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|-------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------------|--|---|---------------------------------------|
| | | | | | theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo năm: Từ ngày 15/12 năm trước ký báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo. | <ul style="list-style-type: none"> + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: trước ngày 18/12 + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|---|----------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| 8 | Báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch Bình đẳng giới | Kết quả triển khai các nhiệm vụ Bình đẳng giới | - Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan -UBND các quận, huyện | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 9 | Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình hành động số 01/CTr-TU ngày 11/01/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy | Kết quả thực hiện Chương trình hành động số 01/CTr-TU ngày 11/01/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 6/6/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khóa XI về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao". | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

PHỤ LỤC 6**Báo cáo định kỳ lĩnh vực Ngoại vụ**

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--|----------------------------------|--|--|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác đối ngoại | Kết quả triển khai công tác đối ngoại của các đơn vị/địa phương | Sở, ngành, UBND quận, huyện, cơ quan, đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Ngoại vụ) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng: từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo - Báo cáo năm: từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo) | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Ngoại vụ: trước ngày 18/6 + Sở Ngoại vụ báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Ngoại vụ: trước ngày 18/12 + Sở Ngoại vụ báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | Báo cáo 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

PHỤ LỤC 7

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|--|----------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 3727/CT-BNN-TCTS ngày 05/5/2017 | Kết quả công tác quản lý khai thác thủy sản, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 hàng tháng | 01 lần/tháng |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hành động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn | - Kết quả tháng thực hiện nhiệm vụ hành động đảm bảo ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phương hướng thực hiện nhiệm vụ tháng tiếp theo | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 hàng tháng | 01 lần/tháng |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|--|----------------------|--|--|--|---------------------------------------|
| 3 | Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai | Báo cáo công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 hàng năm | 01 lần/năm |

PHỤ LỤC 8

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|--|--|--|---|---|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo công tác đấu giá quyền sử dụng đất | Kết quả đấu giá quyền sử dụng đất | UBND các quận huyện | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18 tháng cuối quý - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 tháng cuối quý | Báo cáo định kỳ hàng quý; 04 lần/năm |
| 2 | Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, tăng cường quản lý tài nguyên đến năm 2015-2020 | Kết quả thực hiện Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố | Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18/12 - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|---|--|--|--|---|---------------------------------------|
| | | | | | theo quy định | | | |
| 3 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu | Báo cáo tình hình thực hiện QĐ số 732/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND thành phố | Các Sở, ban, ngành, địa phương, Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18/12. - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 hàng năm | 01 lần/năm |
| 4 | Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 2095/2014/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND thành phố | Công tác quản lý của ngành đối với hoạt động chuyển tải xăng dầu tại Vịnh Lan Hạ | Các sở, ngành, UBND huyện Cát Hải và Công ty có chức năng chuyển tải xăng dầu | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: Trước ngày 18/12 hàng năm. - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12. (Thay thế thời hạn báo cáo quy định tại khoản 2, Điều | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|---|--|--|--|---|---------------------------------------|
| | | | | | | | 8 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2095/2014/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND thành phố) | |
| 5 | Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 2089/2014/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND thành phố | Kết quả thực hiện quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý khu kinh tế; Cục Hải quan Hải Phòng; UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18/12 - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 6 | Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố | Kết quả thực hiện Nghị quyết hàng năm | Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát | UBND thành phố (qua Sở | Qua hệ thống quản lý văn bản | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18/12. - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---------------------------------------|--|--|--|---|--|---------------------------------------|
| | | | triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Thanh tra thành phố, Công an thành phố; UBND cấp, huyện, UBND cấp xã. | Tài nguyên và Môi trường) | điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | 14/12 của kỳ báo cáo | UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 7 | Báo cáo thực hiện Nghị quyết 33/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố | Kết quả thực hiện Nghị quyết hàng năm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Giao thông vận tải; Sở Công Thương; Sở | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo; | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18/6 (đối với báo cáo 6 tháng) và ngày 18/12 (đối với báo cáo năm); - Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|-------------|--------------------------|---|----------------------|-------------------------------|--|--|---------------------------------------|
| | | | Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Thanh tra thành phố; Công an thành phố; Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội; Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng; các Công ty Khai thác công trình thủy lợi; UBND cấp huyện; UBND cấp xã | | | - Báo cáo năm tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 | 22/6 (đối với báo cáo 6 tháng) và ngày 22/12 (đối với báo cáo năm) | |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|---|--|--|--|---|---------------------------------------|
| 8 | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về đa dạng sinh học thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Kết quả thực hiện kế hoạch hành động về đa dạng sinh học thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; Công an thành phố; Cục hải quan Hải; UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường: trước ngày 18/12 - Thời hạn Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

PHỤ LỤC 9

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Thông tin và Truyền thông

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--------------------------------------|---|--|--|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến của thành phố | Kết quả số liệu hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận và xử lý tại các đơn vị | Sở Thông tin và Truyền thông | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo | Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng | 01 lần/tháng |
| 2 | Báo cáo tình hình sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động cơ quan nhà nước các cấp | Công tác triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước và việc chấp hành các quy định liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý và triển khai sử dụng chứng thư số, chữ ký số - Tình hình quản lý, triển khai, sử dụng chứng thư số theo quy định tại | Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Thông tin và Truyền thông) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Thông tin và Truyền thông: trước ngày 18/12 - Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND thành | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|--------------------------------------|---|--|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|
| | | Nghị định 130/2018/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số - Tình hình ứng dụng chữ ký số trong các dịch vụ trong các loại hình giao dịch điện tử | | | theo quy định | | phổ: trước ngày 22/12 | |
| 3 | Báo cáo về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | - Thống kê số lượng điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. - Việc chấp hành pháp luật của điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Thông tin và Truyền thông) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | | | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |
| 4 | Báo cáo triển khai thực hiện quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ | Báo cáo công tác thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng | Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ | - Thời hạn gửi Sở Thông tin và | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--------------------------|-----------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|--|---------------------------------------|
| | tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng | | | (qua Sở Thông tin và Truyền thông) | văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Truyền thông: trước ngày 18/12 - Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |

PHỤ LỤC 10

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Văn hóa và Thể thao

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--|---|--|--|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo công tác quản lý và tổ chức lễ hội | Tình hình kết quả triển khai thực hiện Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Văn hóa và Thể thao) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Văn hóa và Thể thao: trước ngày 18/12 - Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược văn hóa đối ngoại | Kết quả thực hiện kế hoạch triển khai chiến lược văn hóa đối ngoại đến 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn thành phố | Sở, ban, ngành, đoàn thể UBND các quận, huyện, tổ chức chính trị xã hội, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật, Hội nghệ nhân giới TP | UBND thành phố (qua Sở Văn hóa và Thể thao) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Văn hóa và Thể thao: trước ngày 18/12 - Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|--|--|--|------------|
| 3 | Báo cáo kết quả triển khai Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng | kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 13/10/2017 của UBND thành phố Hải Phòng | Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Văn hóa và Thể thao) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Văn hóa và Thể thao: trước ngày 18/12 - Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 4 | Báo cáo Kết quả thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 669-TB/TU ngày 14/01/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 18/3/2008 “về phát triển văn hoá Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá” | Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại kế hoạch | Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Văn hóa và Thể thao) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Văn hóa và Thể thao: trước ngày 18/12 - Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 5 | Báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 11/7/2017 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện | Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch | - Sở Thông tin và Truyền thông; - Ủy ban nhân dân các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Văn hóa | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến | - Thời hạn gửi Sở Văn hóa và Thể thao: trước ngày 18/12 | 01 lần/năm |

| | | | | | | | | |
|---|--|--|--------------------------------------|---|--|--|--|------------|
| | Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | | | và Thể thao) | hoặc hình thức khác theo quy định | ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 6 | Báo cáo kết quả triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao | kết quả triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao. | Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Văn hóa và Thể thao) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Văn hóa và Thể thao: trước ngày 18/12 - Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

PHỤ LỤC 11**Báo cáo định kỳ lĩnh vực Xây dựng**

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|-----------------------------|----------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo kết quả công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố hàng tháng | Tình hình công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo Chỉ thị 05/CT-UBND ngày 03/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị; Quyết định số 10/2017/QĐ- | UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18 hàng tháng - Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng | 01 lần/tháng |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|--|----------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | | UBND ngày 08/9/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố và Nghị định 139/2017/NĐ-CP | | | | | | |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thất thu nước sạch thành phố | Các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch hàng năm | Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo. | - Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 - Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 3 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai phong trào thi đua "Xây dựng thành phố Hải Phòng Sáng - | Các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch hàng năm | Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 - Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|--|----------------------------------|--|--|---|---------------------------------------|
| | Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Văn minh" | | | | hình thức khác theo quy định | | | |
| 4 | Báo cáo thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phát triển hệ thống dịch vụ xã hội bảo đảm an sinh xã hội | Các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ | Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 - Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 01 lần/năm |
| 5 | Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển đô thị thông minh bền vững trên địa bàn | Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 13/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành | Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức | Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | - Thời hạn gửi Sở Xây dựng: 18/12 hàng năm. - Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 hàng năm. | 01 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|---|--|----------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | thành phố Hải Phòng | phổ về triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển đô thị thông minh bền vững trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ | | | khác theo quy định | | | |
| 6 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác xóa quảng cáo, rao vặt trên bờ trường, gốc cây, cột điện trái quy định | Kết quả thực hiện công tác xóa quảng cáo, rao vặt trên bờ trường, gốc cây, cột điện trái quy định theo: Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 14/12/2015 và Công văn số 698/UBND-VX ngày 06/2/2019 của | Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/6 kỳ báo cáo. - Báo cáo năm: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/12 kỳ báo cáo. | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/6 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|---|----------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | | UBND thành phố; Kế hoạch 1049/KH-BĐH ngày 07/7/2016 của Ban Điều hành thực hiện công tác xóa quảng cáo, rao vặt thành phố | | | | | + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | |
| 7 | Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 4143/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố | Báo cáo các nội dung theo Kế hoạch số 4143/KH-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Quyết định số 507/QĐ-BXD ngày 27/4/2015 của Bộ Xây dựng về phê duyệt quy hoạch | - Các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan - Huyện Thủy Nguyên và Huyện Vĩnh Bảo | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/6 kỳ báo cáo. - Báo cáo năm: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/12 kỳ báo cáo. | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/6 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|------------------------------------|--|---|----------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| | | phát triển với công nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố | | | | | | |
| 8 | Báo cáo công tác cấp phép xây dựng | Báo cáo công tác cấp phép xây dựng theo quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố. | Ban Quản lý Khu kinh tế; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố; UBND các quận, huyện | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/6 kỳ báo cáo. - Báo cáo năm: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/12 kỳ báo cáo. | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/6 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|---|----------------------------------|--|---|--|---------------------------------------|
| 9 | Báo cáo công tác thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng | Công tác thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng | - Sở Xây dựng, Sở Giao thông và vận tải, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công Thương; - UBND các quận, huyện. | UBND thành phố (qua Sở Xây dựng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | - Báo cáo 6 tháng: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/6 kỳ báo cáo. - Báo cáo năm: Từ 15/12 kỳ trước đến 14/12 kỳ báo cáo. | - Báo cáo 6 tháng: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/6 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/6 - Báo cáo năm: + Thời hạn gửi Sở Xây dựng: trước ngày 18/12 + Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | 6 tháng, năm; 02 lần/năm |

PHỤ LỤC 12

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Thanh tra

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|--|--|--|--|---|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo | Kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo | Sở, ngành, UBND quận, huyện, cơ quan, đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Thanh tra thành phố) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | <ul style="list-style-type: none">- Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;- Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.- Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo. | <ul style="list-style-type: none">- Đối với báo cáo tháng: Thời hạn gửi Thanh tra thành phố: trước ngày 18 hàng tháng. Thanh tra thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng.- Đối với báo cáo quý: Thời hạn gửi Thanh tra thành phố: trước ngày 18 hàng tháng cuối quý. Thanh tra thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 của tháng cuối quý.- Đối với báo cáo năm: Thời hạn gửi Thanh tra thành phố: trước ngày 18/12. Thanh tra thành phố báo cáo UBND | 01 lần/tháng |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--|--|--|---|---|---------------------------------------|
| | | | | | | | thành phố: trước ngày 22/12. | |
| 2 | Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng | Kết quả công tác phòng chống tham nhũng | Sở, ngành, UBND quận, huyện, cơ quan, đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Thanh tra thành phố) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo; - Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. - Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo. | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo tháng: Thời hạn gửi Thanh tra thành phố: trước ngày 18 hàng tháng. Thanh tra thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng. - Đối với báo cáo quý: Thời hạn gửi Thanh tra thành phố: trước ngày 18 hàng tháng cuối quý. Thanh tra thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 của tháng cuối quý. - Đối với báo cáo năm: Thời hạn gửi Thanh tra thành phố: trước ngày 18/12. Thanh tra thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12. | 01 lần/tháng |

PHỤ LỤC 13**Báo cáo định kỳ lĩnh vực Du lịch**

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|-----------------------------|----------------------|--|--|---|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo công tác quản lý nhà nước lĩnh vực du lịch | Tình hình kết quả quản lý nhà nước lĩnh vực du lịch | Sở Du lịch | UBND thành phố | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo | Sở Du lịch báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng | 01 lần/tháng |

PHỤ LỤC 14

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Kiểm soát thủ tục hành chính

(kèm theo Quyết định số 15. /2020/QĐ-UBND ngày 24/6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|--|---|--|---|--|---|--|---|
| 1 | Báo cáo thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị | V/v triển khai Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm của UBND thành phố theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ | Sở, ngành, UBND quận, huyện, cơ quan, đơn vị liên quan | UBND thành phố (qua Văn phòng UBND thành phố) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | Đối với báo cáo Quý: Từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo | Đối với báo cáo Quý: - Thời hạn gửi Văn phòng UBND thành phố: trước ngày 18 tháng cuối quý - Thời hạn Văn phòng UBND thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 tháng cuối quý. Đối với báo cáo năm: - Thời hạn gửi Văn phòng UBND thành phố: trước ngày 18/12 - Văn phòng UBND thành phố báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12 | Báo cáo định kỳ hàng quý; 04 lần/năm. Báo cáo định kỳ hàng năm, 01 lần/năm |

PHỤ LỤC 15

Báo cáo định kỳ lĩnh vực Y tế

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|-----------------------|--|--|---|--|--|--|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo công tác y tế | Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị | Các phòng thuộc Sở, các đơn vị trong ngành và một số đơn vị khác liên quan | UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Sở Y tế) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo; - Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. - Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo. - Đối với báo cáo 9 tháng: tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/9 của kỳ báo cáo. | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo tháng: Thời hạn gửi Sở Y tế: trước ngày 18 hàng tháng. Sở Y tế báo cáo UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư: trước ngày 22 hàng tháng. - Đối với báo cáo quý: Thời hạn gửi Sở Y tế: trước ngày 18 hàng tháng cuối quý. Sở Y tế báo cáo UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư: trước ngày 22 của tháng cuối quý. - Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: Thời hạn gửi Sở Y tế: trước ngày 18/6. Sở Y tế báo cáo UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư: trước ngày 22/6. - Đối với báo cáo 09 | 01 lần/tháng |

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|-------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------------|--|---|---------------------------------------|
| | | | | | | <p>- Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo.</p> | <p>tháng: Thời hạn gửi Sở Y tế: trước ngày 18/9. Sở Y tế báo cáo UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư: trước ngày 22/9.</p> <p>- Đối với báo cáo năm: Thời hạn gửi Sở Y tế: trước ngày 18/12. Sở Y tế báo cáo UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư: trước ngày 22/12.</p> | |

PHỤ LỤC 16

Báo cáo định kỳ lĩnh vực của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

(kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên báo cáo | Nội dung yêu cầu báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo | Cơ quan nhận báo cáo | Phương thức gửi, nhận báo cáo | Thời gian chốt số liệu báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo | Kỳ báo cáo/Tần suất thực hiện báo cáo |
|-----|---|--|---|--|--|---|---|---------------------------------------|
| 1 | Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch | Báo cáo kết quả thực hiện một số chỉ tiêu có so sánh với kế hoạch và cùng kỳ năm trước | Các doanh nghiệp/dự án trong Khu công nghiệp, khu kinh tế | UBND thành phố (qua Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) | Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc hình thức khác theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo; - Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. - Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo. | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo tháng: Thời hạn gửi Ban Quản lý Khu kinh tế: trước ngày 18 hàng tháng. Ban Quản lý Khu kinh tế báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 hàng tháng. - Đối với báo cáo quý: Thời hạn gửi Ban Quản lý Khu kinh tế: trước ngày 18 hàng tháng cuối quý. Ban Quản lý Khu kinh tế báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22 của tháng cuối quý. - Đối với báo cáo năm: Thời hạn gửi Ban Quản lý Khu kinh tế: trước ngày 18/12; Ban Quản lý Khu kinh tế báo cáo UBND thành phố: trước ngày 22/12. | 01 lần/tháng |

